

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 376/2023/HNGĐ-ST
Ngày : 07-7-2023
Về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Ông Nguyễn Th Tiền.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:** Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tr Th K Th, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 47A, tổ 02, khóm THL, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh AG. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Tr V H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 47A, tổ 02, khóm THL, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh AG. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai cùng đề ngày 15/11/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn Bà Tr Th K Th trình bày như sau:

Bà và Ông Tr V H quen biết nhau, tự tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2008 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh Trung (nay là thị trấn Vĩnh Thạnh Trung), huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 104, ngày 18/4/2011 Trong thời

gian chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng có thời gian ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Tr V H.

Về con chung: Trong thời gian sống chung có 02 (hai) con tên: Trần Thị Ngọc Ngân, sinh ngày 10/10/2009 và Trần Thị Ngọc Anh, sinh ngày 01/02/2018, hiện các con chung đang sống cùng bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu Ông Tr V H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn Ông Tr V H được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để tham gia các quá trình tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Tr Th K Th.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Bà Tr Th K Th: Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn Ông Tr V H: Vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và Ông Tr V H chung sống có đăng ký kết hôn là phù hợp quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống, bà Th cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, thời gian ly thân đã lâu nên yêu cầu giải quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Ông Tr V H được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến về việc ly hôn. Theo xác minh tại địa phương giữa bà Th và Ông Tr V H có thời gian ly thân từ năm 2022 đến nay, điều này cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà Th và Ông Tr

V H có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Th là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Về con chung: Thời gian chung sống, giữa bà Th và Trần Văn Hết có 02 (hai) con tên: Trần Thị Ngọc Ngân, sinh ngày 10/10/2009 và Trần Thị Ngọc Anh, sinh ngày 01/02/2018, hiện các con chung do bà Th trực tiếp nuôi, đảm bảo điều kiện nuôi con, Ông Tr V H không có ý kiến về việc tranh chấp nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Th tiếp tục nuôi. Bà Th không yêu cầu Ông Tr V H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Về án phí: Đề nghị xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về sự vắng mặt, có mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Ông Tr V H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan và không có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị Kim Th: Bà Th và ông Hết tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh Trung (nay là thị trấn Vĩnh Thạnh Trung), huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 104 do UBND xã Vĩnh Thạnh Trung (nay là thị trấn Vĩnh Thạnh Trung) cấp ngày 18/4/2011 cho Ông Tr V H, Bà Tr Th K Th là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo bà Th trình bày: Sau khi kết hôn thì Ông Tr V H, bà Th có cuộc sống hạnh phúc và có con chung, nhưng thời gian sau này phát sinh mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân, giữa ông bà đã có thời gian ly thân khoảng thời gian dài,

bà vẫn kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn, địa phương cung cấp thông tin vợ chồng bà Th có mâu thuẫn, do Ông Tr V H không lo làm ăn, không quan tâm gia đình. Hơn nữa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Ông Tr V H biết được việc bà Th yêu cầu ly hôn, nhưng không đến Tòa án tham gia hòa giải để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ, địa phương cung cấp thông tin Ông Tr V H không còn chung sống với bà Th nhiều năm nay, điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cùng chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Kim Th.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Th, ông Hết có 02 (hai) con chung gồm: Trần Thị Ngọc Ngân, sinh ngày 10/10/2009 và Trần Thị Ngọc Anh, sinh ngày 01/02/2018. Xét thấy, từ khi bà Th, ông Hết sống ly thân đến nay là một thời gian dài và con chung do bà Th trực tiếp nuôi, vẫn đảm bảo cuộc sống cho con chung. Ông Tr V H không có ý kiến gì về việc nuôi con chung nên để ổn định, phát triển về tinh thần và thể chất cho con chung, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung cho bà Th trực tiếp nuôi điều này cũng phù hợp với ý kiến, nguyện vọng con chung (cháu Ngân) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi dạy con chung*: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha mẹ. Đối chiếu với quy định nêu trên, lẽ ra Ông Tr V H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th không yêu cầu Ông Tr V H cấp dưỡng và cho rằng có đủ khả năng nuôi dạy con chung. Xét thấy, việc bà Th không yêu cầu Ông Tr V H cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Ông Tr V H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] *Về án phí*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, bà Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Kim Th, Bà Tr Th K Th được ly hôn với Ông Tr V H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 104, ngày 18/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh Trung (nay là thị trấn Vĩnh Thạnh Trung), huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho Bà Tr Th K Th, Ông Tr V H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Trần Thị Ngọc Ngân, sinh ngày 10/10/2009 và Trần Thị Ngọc Anh, sinh ngày 01/02/2018 cho Bà Tr Th K Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Th cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở Ông Tr V H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Tr Th K Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005179/TU/2022 ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Kim Th; Ông Tr V H vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi Cục THA DS Châu Phú;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Anh